



I. Trắc nghiệm

Câu 1. Số: “Năm triệu một trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi hai” viết là:

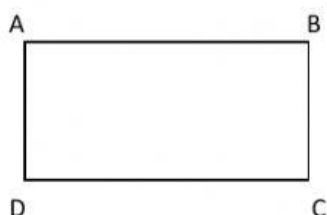
- A. 5 132 732 B. 5 132 132 C. 3 152 732 D. 3 132 723

Câu 2. Các số 132 367 ; 132 259 ; 135 184 ; 135 163 viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

Câu 3. Trong số 732 842 605, chữ số 3 ở hàng, lớp

- A. Chục-đơn vị B. Chục nghìn-ngìn C. Chục triệu-ngìn D. Chục triệu-triệu

Câu 4.

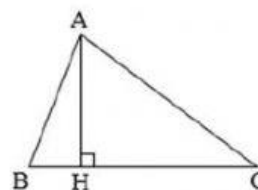


Hình chữ nhật ABCD có ☐ cặp cạnh vuông góc với nhau.

☐ cặp cạnh song song với nhau.

Câu 5. Cạnh AH vuông góc với cạnh nào dưới đây?

- A. BH, HC và BC C. AB, AC và HC
B. BH và AC D. AB và AC



Câu 6. Một khu vườn hình chữ nhật chiều dài 25m, chiều rộng 19m. Chu vi khu vườn là:

- A. 88 cm B. 128 cm C. 44 cm D. 22 cm

II. Tự luận

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

a) $732\,523 + 15\,349$

b) $572\,481 - 53\,026$

Câu 2. a) Tìm m:

$m : 3 = 52\,216$

b) Tính giá trị biểu thức:

$7\,896 : 3 - 1\,754$

Câu 3. Một tổ sản xuất phụ trách sản phẩm trong ba ngày. Ngày thứ nhất sản xuất được 1250 sản phẩm. Ngày thứ hai sản xuất được nhiều hơn ngày thứ nhất 450 sản phẩm. Ngày thứ ba sản xuất được số sản phẩm bằng trung bình cộng ngày thứ nhất và ngày thứ hai. Hỏi cả ba ngày sản xuất được bao nhiêu sản phẩm?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



Câu 1. Trong câu sau dấu hai chấm có tác dụng báo hiệu bộ phận đứng sau là:

Ở nước ta, mỗi địa phương đều có một chiếc nón đặc trưng: nón ngựa hay nón Gò Găng (Bình Định), nón quai thao (miền Bắc Việt Nam), nón bài thơ (Huế).

- A. Bổ sung ý nghĩa cho bộ phận đứng trước.
- B. Lời giải thích cho bộ phận đứng trước.
- C. Lời nói mang ý nghĩa đặc biệt.
- D. Lời nói của nhân vật.

Câu 2. Thành ngữ, tục ngữ nói về tính trung thực là:

- A. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.
- B. Lá lành đùm lá rách.
- C. Máu chảy ruột mềm.
- D. Cây ngay không sợ chết đứng.

Câu 3. Tìm các danh từ và động từ có trong câu văn sau:

Gió bắt đầu thổi mạnh, lá cây rơi nhiều, từng đàn cò bay nhanh theo mây.

Danh từ:

Động từ:

- Đặt câu với một trong các từ em vừa tìm được.

.....

Câu 4. Sắp xếp các từ ngữ sau vào bảng phân loại:

chim sáo

thật thà

mong muốn

xinh xắn

dào dạt

mơ mộng

mơ tưởng

thì thầm

Từ phức			
Từ ghép		Từ láy	

Câu 5. Nối các từ sau với chủ đề phù hợp:

Cùng nghĩa với
nhân hậu

Chính trực

Trái nghĩa với
nhân hậu

Yêu thương

Cùng nghĩa với
trung thực

Gian lận

Trái nghĩa với
trung thực

Bắt nạt

